

Bản án số: 47 /2021/HS-ST

Ngày 28 - 09 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị H

2. Ông Trần Anh T

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần H – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phan Tường L - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức M-** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 25/10/1988 tại huyện B, thành phố Hà Nội; Nơi đăng hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Đoàn thể: không. Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Hiện bố, mẹ trú tại thôn Đ, xã M, huyện B, Hà Nội. Anh chị em ruột: có 02 người bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Phùng Thị H, sinh năm 1989; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con: 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2021 tại Trại tạm giam C an tỉnh Phú Thọ (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh **Đỗ Quang H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Phố C, phường A , thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ(có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội; (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973

Thôn Đ, xã M Quang, huyện B, thành phố Hà Nội(vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Phùng Thị H , sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Ông Vũ Tiến T, sinh năm 1950

Địa chỉ: P307, nhà B8, T 2, phường L, quận Đ,
thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Anh Lê Trung N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 07, T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, bị cáo Nguyễn Đức M cùng vợ là Phùng Thị H. có hộ khẩu tại khu Đ, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội đến thuê nhà để sinh sống và hành nghề sửa chữa xe máy tại khu N, phường Á, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Bên cạnh nhà bị cáo thuê là Nhà hàng Zoo Zoo 123 do anh Đỗ Quang H, sinh năm 1989, trú tại phố C, phường Á, thị xã Phú Thọ là chủ. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo nảy sinh ý Đ lừa bán cho anh H chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại COLORADO; loại xe tải pickup cabin kép; số máy P2G182071112; số khung 8EM0KH622907; BKS 29H - 133.49. Tuy nhiên, do chiếc xe này đang được vợ chồng bị cáo dùng làm tài sản thế chấp tại N hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội để vay 520.000.000 đồng, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 07/11/2018 nên giấy đăng ký xe bản gốc do N hàng giữ. Bị cáo tìm cách có đăng ký xe giả (Theo lời khai nhận của bị cáo: Bị cáo vào mạng Internet tìm kiếm thông tin người bán giấy đăng ký xe ô tô giả; sau khi có số điện thoại bị cáo đã liên lạc và cung cấp nội dung cho một người đàn ông bị cáo không rõ tên tuổi, địa chỉ và mua của người này 01 giấy đăng ký giả xe ô tô BKS 29H-133.49 mang tên Nguyễn Đức M với giá 6.000.000 đồng). Việc có được giấy đăng ký xe ô tô giả, bị cáo không nói cho vợ bị cáo biết, còn vợ bị cáo nghĩ bị cáo đã trả nợ được cho N hàng và lấy đăng ký xe về.

Ngày 29/5/2019, tại Phòng C chứng số 2 tỉnh Phú Thọ thuộc phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, có mặt anh H, bị cáo, H và C chứng viên anh Lê Trung Nghĩa, sinh năm: 1972 trú tại khu Tân Thành, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; bị cáo nói với vợ là chị H: Ký giấy vay tiền của anh H để

làm ăn. NH thực tế là ký hợp đồng chuyển nhượng. Vì tin tưởng bị cáo nên vợ bị cáo không đọc nội dung mà ký vào hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H - 133.49 cho anh H rồi về. Bị cáo ở lại nhận 350.000.000 đồng và giao cho anh H xe ô tô BKS 29H - 133.49 kèm giấy đăng ký xe giả, tiền bán xe ô tô, bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng tháng 8/2019 (không xác Đ được ngày), bị cáo sang nhà hàng Zoo Zoo 123 để mượn xe ô tô BKS 29H-133.49 về quê đón bố mẹ sang chơi. Lúc này, tại nhà hàng có anh H và anh Nguyễn Tiến D, trú tại phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ. Vì là hàng xóm, tin tưởng nhau nên anh H đồng ý cho bị cáo mượn xe ô tô. Sau đó, bị cáo điều khiển xe ô tô BKS 29H-133.49 đến nhà ông Trần Viết Q, sinh năm 1971 ở phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ để cầm cố chiếc xe lấy 200.000.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết. Khi không còn khả năng trả nợ gốc, lãi cho N hàng, trả tiền cho ông Q và trả xe cho anh H, bị cáo nhờ bố đẻ là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968, trú tại thôn Đ, xã M Quang, huyện B, Hà Nội trả nợ thay đồng thời giao xe ô tô BKS 29H-133.49 cho ông C toàn quyền quyết Đ rồi bỏ trốn.

Ngày 08/11/2019, ông C đến N hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội thanh toán toàn bộ khoản nợ của bị cáo và nhận lại giấy đăng ký xe bản gốc. Vì không có nhu cầu sử dụng, ông C bán lại xe ô tô BKS 29H-133.49 cho em trai là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã M Quang, huyện B, Hà Nội với giá 500.000.000 đồng; ông C có trách nhiệm làm thủ tục sang tên cho ông Đ. Ngày 12/11/2019, ông C nhờ anh Chu Xuân N, sinh năm 1985, trú tại khu Kê Mới, xã Tân Lĩnh, huyện B, Hà Nội mang hồ sơ xe đến Văn phòng C chứng Vũ Tiến T có địa chỉ tại khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội lập hợp đồng chuyển nhượng xe giữa giữa bên bán là Nguyễn Đức M, cùng vợ là chị Phùng Thị H với bên mua là ông Nguyễn Văn Đ. Mặc dù, bị cáo và vợ bị cáo không trực tiếp đến yêu cầu C chứng NH Văn phòng C chứng Vũ Tiến T vẫn xác nhận hợp đồng. Sau đó, anh N đến Phòng CSGT C an thành phố Hà Nội làm thủ tục sang tên, ngày 13/11/2019 Phòng CSGT C an thành phố Hà Nội đã cấp đăng ký mới xe ô tô BKS 29H - 133.49 cho ông Nguyễn Văn Đ, theo “Hợp đồng mua bán xe máy” số 9669.2019/HĐMB lập ngày 12/11/2019 tại Văn phòng C chứng Vũ Tiến T, ông Đ sử dụng xe ô tô trên cho đến nay. Ngày 12/8/2020, Cục đăng kiểm Việt Nam đã có văn bản số 2661/ĐKVN-VAR về việc nhập biên số xe 29H-133.49 vào chương trình cảnh báo tại các đơn vị đăng kiểm theo đề nghị tạm dừng đăng kiểm xe ô tô của Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ.

Ngày 09/6/2020 anh Đỗ Quang H đã trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đề nghị điều tra, làm rõ và xử lý bị cáo M theo quy Định; đồng thời tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 29H-133.49 số 529554 mang tên Nguyễn Đức M và hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H-133.49.

Phục vụ Công tác điều tra, ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trưng cầu Hội đồng ĐGTS trong TTHS thị xã Phú Thọ Định giá chiếc xe ô tô BKS 29H - 133.49. Tại Bản kết luận Định giá tài sản số 22/2020/ KL - ĐGTS ngày 29/7/2020, Hội đồng ĐGTS trong TTHS thị xã Phú Thọ kết luận: Giá trị còn lại của tài sản là 455.700.000 đồng.

Ngày 01/8/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám Định Chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 29H - 133.49 mà M đã sử dụng để làm hợp đồng bán xe cho anh H. Tại Kết luận giám Định số 771/KLGD - 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận Chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 29H - 133.49 mà Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phú Thọ gửi giám Định là đăng ký xe giả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám Định chữ ký, chữ viết của M, H trên “Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô” ngày 29/5/2019 và “Hợp đồng mua bán xe máy” ngày 12/11/2019. Tại bản kết luận giám Định số 1135 ngày 10/11/2020 và bản luận giám Định số 440 ngày 08/4/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết trên “Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô” bán xe cho anh H là do M, H ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết trên “Hợp đồng mua bán xe máy” ngày 12/11/2019 chuyển nhượng cho anh Định - không phải do M, H ký, viết ra.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ, ngày 30/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Quyết Định khởi tố vụ án hình sự, ngày 26/11/2020, Quyết Định khởi tố bị can, Quyết Định truy nã đối với Nguyễn Đức M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy Định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đến ngày 04/3/2021, M bị bắt tại xã M Quang, huyện B, thành phố Hà Nội và bị tạm giữ, tạm giam theo quy Định. Ngày 23/3/2021, Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ ra Quyết Định bổ sung Quyết Định khởi tố vụ án hình sự, Quyết Định bổ sung

Quyết Đ khởi tố bị can đối với M về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy Đ tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ, bị cáo M khai nhận hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H. Tuy nhiên, bị cáo khai việc ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H - 133.49 cho anh H chỉ là hình thức để thế chấp, thực tế là bị cáo vay anh H 350.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận nếu M trả đầy đủ tiền gốc, lãi thì hợp đồng sẽ bị hủy nên sau khi ký hợp đồng, anh H giữ giấy đăng ký xe ô tô giả và đưa cho M 350.000.000 đồng; còn chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49, bị cáo vẫn quản lý, sử dụng chứ không phải bị cáo mượn lại xe ô tô như anh H đã khai. Ngoài lời khai, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng M việc chuyển nhượng xe ô tô là để vay tiền trong khi việc ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H-133.49 giữa bị cáo M cùng vợ là chị H và anh H là có thật, được thực hiện dưới sự chứng kiến của C chứng viên Phòng C chứng số 2, tỉnh Phú Thọ; trong hợp đồng không thể hiện nội dung nếu bị cáo trả được tiền gốc, lãi thì hợp đồng bị hủy. Vì vậy, lời khai của bị cáo M là không có căn cứ.

Đối với Phùng Thị H, trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H-133.49; H không được M bàn bạc, trao đổi gì, cũng không biết bị cáo M sử dụng giấy đăng ký xe ô tô BKS 29H-133.49 giả để làm hợp đồng chuyển nhượng với anh H. Bị cáo chỉ nói với chị H ký giấy vay nợ lấy tiền làm ăn; Tại phòng C chứng số 2 tỉnh Phú Thọ, vì tin tưởng bị cáo, chị H ký mà không đọc nội dung hợp đồng. Bản thân chị H sống phụ thuộc, không biết bị cáo lừa chiếm đoạt tiền của anh H và bị cáo sử dụng giấy tờ đăng ký giả. Vì vậy, H không đồng phạm với bị cáo M về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với người đàn ông bán giấy đăng ký xe ô tô giả cho M, M không biết tên, tuổi, địa chỉ cũng không nhớ đặc điểm nhận dạng. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ không có căn cứ xác M, làm rõ.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H-133.49 số 780 được xác lập, ký kết tại phòng C chứng số 2, tỉnh Phú Thọ ngày 29/5/2019; trong khi hợp đồng thế chấp xe ô tô BKS 29H-133.49 tại N hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Hai Bà Trưng để đảm bảo khoản vay vẫn còn hiệu lực, tài sản chưa được giải chấp. Do pháp luật về lĩnh vực C chứng chưa có quy Đ cụ thể về phạm vi C chứng hợp đồng, giao dịch đối với động sản; cơ sở dữ liệu C chứng giữa các tỉnh,

thành phố chưa liên thông. Vì vậy, Nguyễn Đức M đã đăng ký thế chấp chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Hà Nội để vay tiền, sau đó lại chuyển nhượng chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49 cho anh H, hợp đồng chuyển nhượng được lập tại phòng C chứng mà không bị phát hiện. Như vậy, có căn cứ xác Đ Hợp đồng chuyển nhượng số 780 là vô hiệu do bị lừa dối. Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ có văn bản số 210 ngày 16/5/2021 đề nghị Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra C an tỉnh Phú Thọ kiến nghị Sở tư pháp có ý kiến với Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Phú Thọ nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện Luật C chứng.

Đối với ông Vũ Tiến T xác nhận hợp đồng mua bán xe máy mà không có sự tham gia của các chủ thể giao dịch đã vi phạm điểm d, khoản 2, Điều 14 Nghị Đ số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ. Tuy nhiên, hành vi vi phạm của ông Vũ Tiến T xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội, thuộc thẩm quyền xử lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. Ngày 22/3/2021 Cơ quan CSĐT C an thị xã Phú Thọ đã có văn bản số 130 đề nghị Sở Tư pháp thành phố Hà Nội xác M, xử lý theo quy Đ pháp luật.

Đối với N hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội đồng ý cho ông Nguyễn Văn C trả nợ thay cho M; làm thủ tục giải chấp và trả lại giấy đăng ký xe ô tô BKS 29H-133.49 cho ông C mà không có ủy quyền của Nguyễn Đức M là thực hiện không đúng điều khoản hợp đồng 692/2018/HĐBĐ/PVB-HBT. Ngày 10/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ đã có văn bản số 209 đề nghị N hàng TMCP Đại chúng Việt Nam xử lý cá nhân, tổ chức liên quan.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ, hiện đang quản lý chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49; mặc dù khi mua bán xe ô tô BKS 29H-133.49, ông Đ thực hiện không đúng quy Đ của Nhà nước về mua bán tài sản có đăng ký; tuy nhiên quá trình điều tra cả ông C, M và H đều xác Đ giao dịch mua bán xe ô tô BKS 29H-133.49 cho ông Đ là ngay thẳng và đều đồng ý chuyển nhượng xe ô tô cho ông Đ đồng thời đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ gỡ bỏ phong tỏa để ông Đ được sở hữu chiếc xe trên.

Về vật chứng, tài sản, đồ vật tạm giữ gồm: Các hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán, chuyển nhượng xe ô tô; giấy bán xe là chứng cứ chứng M tội phạm được lưu trong hồ sơ vụ án; giấy đăng ký xe ô tô giả được chuyển theo hồ sơ vụ án,

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quang H yêu cầu Nguyễn Đức M phải trả lại cho anh H chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49.

Về điều kiện kinh tế: Bị cáo Nguyễn Đức M không có tài sản gì có giá trị. Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKSTXPT ngày 22/6/2021 VKSND thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Đức M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy Đ tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội ” Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức ” theo quy Đ tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đức M từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp cả hai tội bị cáo phải chấp hành từ 12 năm đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là 04/3/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H yêu cầu bị cáo M phải trả lại cho anh H chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49. Xét thấy giao dịch của các bên bị vô hiệu do bị lừa dối. Căn cứ vào Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự quy Đ về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Cần buộc bị cáo M phải trả cho anh H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

- *Về xử lý vật chứng*: Các hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán, chuyển nhượng xe ô tô; giấy bán xe là chứng cứ chứng M tội phạm được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy Đ của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình có cơ hội làm lại từ đầu.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết Đ tố tụng*:

Hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra C an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng

không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Ngày 29/5/2019, tại Phòng C chứng số 2, tỉnh Phú Thọ thuộc phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; bị cáo Nguyễn Đức M đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hình thức: Sử dụng giấy đăng ký xe ô tô BKS 29H-133.49 giả để xác lập hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô cho anh Nguyễn Quang H rồi chiếm đoạt 350.000.000 đồng của anh H, số tiền có được M chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra C an thị xã Phú Thọ chưa thu hồi được. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy Đ tại điểm a khoản 3 điều 174 của Bộ luật hình sự và tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy Đ tại điểm b khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều khoản trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 3 Điều 174 - Bộ luật hình sự quy Đ:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...”

Khoản 3, Điều 341 Bộ luật hình sự quy Đ:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm

.....

b, Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo thì cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Trước lần phạm tội này, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo rèn luyện, cải tạo được tội lỗi mà bị cáo đã phạm. Đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4]. *Về hình phạt bổ sung:* Tại khoản 5 điều 174 và khoản 4 điều 341 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm...*”. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Anh H yêu cầu bị cáo M phải trả lại cho anh H chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49. Xét thấy, giao dịch mua bán xe ô tô giữa bị cáo với anh H là giao dịch dân sự thông thường nên bị vô hiệu do bị lừa dối. Vì vậy, yêu cầu của anh H về việc trả xe cho anh là không có căn cứ mà cần buộc bị cáo M phải trả cho anh H số tiền 350.000.000 đồng mà anh H đã trả tiền để mua xe ; tại phiên tòa bị cáo M cũng nhất T trả cho anh H số tiền trên.

[6]. *Về xử lý vật chứng:* Đối với các hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán, chuyển nhượng xe ô tô; giấy bán xe là chứng cứ chứng minh bị cáo M phạm cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên bị cáo M, bị cáo đã sử dụng để bán xe cho anh H không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chị H, trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H-133.49; chị không được bị cáo M bàn bạc, trao đổi gì, cũng không biết bị cáo M

sử dụng giấy đăng ký xe ô tô BKS 29H-133.49 giả để làm hợp đồng chuyển nhượng với anh H. Bị cáo chỉ nói với chị H ký giấy vay nợ lấy tiền làm ăn; Tại phòng C chứng số 2 tỉnh Phú Thọ, vì tin tưởng bị cáo, chị H ký mà không đọc nội dung hợp đồng. Bản thân chị H không biết bị cáo lừa chiếm đoạt tiền của anh H và bị cáo sử dụng giấy tờ đăng ký giả. Vì vậy, chị H không đồng phạm với bị cáo M về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với người đàn ông bán giấy đăng ký xe ô tô giả cho bị cáo, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cũng không nhớ đặc điểm nhận dạng. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ không có căn cứ xác M, làm rõ.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô BKS 29H-133.49 số 780 được xác lập, ký kết tại phòng C chứng số 2, tỉnh Phú Thọ ngày 29/5/2019; trong khi hợp đồng thế chấp xe ô tô BKS 29H-133.49 tại N hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Hai Bà Trưng để đảm bảo khoản vay vẫn còn hiệu lực, tài sản chưa được giải chấp. Do pháp luật về lĩnh vực C chứng chưa có quy định cụ thể về phạm vi C chứng hợp đồng, giao dịch đối với động sản; cơ sở dữ liệu C chứng giữa các tỉnh, thành phố chưa liên thông. Vì vậy, bị cáo đã đăng ký thế chấp chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Hà Nội để vay tiền, sau đó lại chuyển nhượng chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49 cho anh H, hợp đồng chuyển nhượng được lập tại phòng C chứng mà không bị phát hiện. Như vậy, có căn cứ xác định Hợp đồng chuyển nhượng số 780 là vô hiệu do bị lừa dối. Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ có văn bản số 210 ngày 16/5/2021 đề nghị Thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra C an tỉnh Phú Thọ kiến nghị Sở tư pháp nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện Luật C chứng.

Đối với ông T xác nhận hợp đồng mua bán xe máy mà không có sự tham gia của các chủ thể giao dịch đã vi phạm điểm d, khoản 2, Điều 14 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ. Tuy nhiên, hành vi vi phạm của ông Vũ Tiến T xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội, thuộc thẩm quyền xử lý của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. Cơ quan CSĐT C an thị xã Phú Thọ đã có văn bản đề nghị Sở Tư pháp thành phố Hà Nội xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với N hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội đồng ý cho ông C trả nợ thay cho bị cáo; làm thủ tục giải chấp và trả lại giấy đăng ký xe ô tô BKS 29H-133.49 cho ông C mà không có ủy quyền của bị cáo M là thực hiện không đúng điều khoản hợp đồng 692/2018/HĐBĐ/PVB-HBT. Ngày 10/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ đã có văn bản số 209 đề nghị N hàng TMCP Đại chúng Việt Nam xử lý cá nhân, tổ chức liên quan.

Đối với ông Đ, hiện đang quản lý chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49; mặc dù khi mua bán xe ô tô BKS 29H-133.49, ông Đ thực hiện không đúng quy định của Nhà nước về mua bán tài sản có đăng ký; tuy nhiên quá trình điều tra cả ông C, bị cáo M và chị H là vợ bị cáo đều xác định giao dịch mua bán xe ô tô BKS 29H-133.49 cho ông Đ là ngay thẳng và đều đồng ý chuyển nhượng chiếc xe ô tô cho ông Đ đồng thời đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra C an thị xã Phú Thọ gỡ bỏ phong tỏa để ông Đ được sở hữu chiếc xe trên là phù hợp.

Đối với hành vi bị cáo M cầm cố chiếc xe ô tô BKS 29H-133.49 tại nhà ông Trần Viết Q, sinh năm 1971 ở phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ để cầm cố chiếc xe lấy 200.000.000 đồng. Xét thấy đây là giao dịch dân sự, bố bị cáo đã trả tiền cho ông Q và ông Q đã chết nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy Đ của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ thực hành quyền C tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 08 (Tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” 04 (Bốn) năm tù về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là 04/3/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về xử lý vật chứng: Lưu trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán, chuyển nhượng xe ô tô; giấy bán xe.

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên bị cáo Nguyễn Đức M.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh H số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Bị cáo M chậm trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.500.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- C an thị xã Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS
- Chi cục THADS thị xã Phú thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- UBND xã M Quang, huyện B, thành phố Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 25 tháng 6 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**

Ông Trần Quang Huấn

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 7 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Thành Nam** - sinh ngày 01/3/1987

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 3, xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy Đ của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT Đ CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Biểu quyết: 3/3

2. Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp.

Biểu quyết: 3/3

3. Hành vi, quyết Đ của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết Đ tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy Đ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Điều luật áp dụng, hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Điều 38, điểm a khoản 3 Điều 106; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thành Nam phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Thành Nam 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (NH được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 11/11/2020 đến ngày 10/1/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Biểu quyết: 3/3

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Biểu quyết: 3/3

6. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí:

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Vũ Thành Nam đã bồi thường số tiền 170.000.000 đồng cho anh Dũng. Anh Dũng đã nhận đủ số tiền trên và không có đề nghị gì nên không đặt ra xem xét giải quyết..

Về xử lý vật chứng: Xác nhận đã Trả lại cho N hàng thương mại cổ phần Quốc Dân - Chi nhánh Hà nội do ông Hoàng C Bằng là đại diện theo ủy quyền nhận: 01 (một) xe ô tô tải BKS 19C-138.28, nhãn hiệu VEAM số loại VT651MB; loại xe tải có mui; màu sơn xám; số máy 133NF1004470, số khung: B1D0GMJ00637. Tình trạng xe cũ đã qua sử dụng. Trên xe trong cabin không có đồ vật tài sản gì. Hiện tại xe không hoạt động, không kiểm tra tình trạng xe. Xe có 01 ắc quy; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm Đ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số No: KC7075076 cấp ngày 22/8/2018 đến 21/8/2020; 01 (một) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe ô tô BKS 19C - 138.28 (Theo quyết Đ xử lý vật chứng số 01 ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã phú Thọ và biên bản trả tài sản ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ).

Trả lại cho bị cáo Vũ Thành Nam 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung số loại Galaxy A5 màn hình cảm ứng, màu đen số seri: R58J4070FLV; Imei1: 354021087402952; Imei 2: 35402208742950, bên trong có lắp hai thẻ sim số điện thoại 04369734456 và 0869132866. Điện thoại hết pin , không kiểm tra tình trạng máy còn hoạt động được không.

- Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Vũ Thành Nam phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3

7. Kiến nghị phòng ngừa khắc phục tội phạm: Không.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 50/2021/TB-TA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thị xã Phú Thọ, ngày 29 tháng 9 năm 2021

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ**

Kính gửi: - UBND phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2021/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Chu Quốc Nam, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1991

Nơi cư trú: Khu Thanh Viên, phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nay thông báo cho UBND phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Chu Quốc Nam phạm tội "Trộm cắp tài sản", phạt: Bị cáo Chu Quốc Nam 15 tháng cải tạo không giam giữ bị cáo được trừ 9 ngày tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngày 16/6/2021 được quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Chu Quốc Nam cho UBND phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nam có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo Chu Quốc Nam vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự và thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Xác nhận ngày 16/6/2021 Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại 01 con trâu cái trưởng thành, lông màu đen, có chiều cao 1,26m, trên đầu có 02 sừng hình vòng cung độ dài dây cung 0,32m cho ông Hà Ngọc Trung (chủ sở hữu hợp pháp).

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17/6/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ)

Tịch thu nộp Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, màu vàng, số IMEI: 352034061292051.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc sim 0357622972 cũ không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 01/9/2021)

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hà Ngọc Trung đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Chu Quốc Nam phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngọc Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Phạm Thị Huyền
2. Ông Trần Anh Tuấn

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Tạm giam bị cáo **Nguyễn Đức M** - Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1988;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M Quang, huyện B, thành phố Hà Nội.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức M** 12(mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04/3/2021

Về tội ” Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 điều 174 BLHS và tội: “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo khoản 3 điều 341 BLHS.

Thời hạn tạm giam là **45 (Bốn mươi lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án .

Điều 2 :

Trại tạm giam C an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Thọ ;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam C an tỉnh PT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Hà

